

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11/02/2026.
V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thụ và ông Nguyễn Bá Phụng.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Phạm Mạnh Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 228/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu H, xã C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Đặng Thị Thuỳ T, sinh năm 1998

Địa chỉ: Khu H, xã C, tỉnh Phú Thọ.

(Anh D có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị T vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, *Tại đơn khởi kiện ngày 28/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Tiến D trình bày:* Anh và chị Đặng Thị Thuỳ T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/12/2019 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã C, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng anh và bố mẹ anh tại

khu H, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là khu H, xã C, tỉnh Phú Thọ) được khoảng 03 tháng thì anh và chị T về ở nhà bố mẹ đẻ chị T tại Khu G 1, xã C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không bao ban được nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Khi vợ chồng mâu thuẫn gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 5/2022 anh đã về nhà bố mẹ đẻ anh ở, anh không còn chung sống cùng chị T nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không còn nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Thành Đ, sinh ngày 17/7/2020 và cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 03/12/2021. Cả 02 con chung đang ở cùng chị T và bố mẹ đẻ chị T. Hiện nay, anh làm tại Công ty YIDA Việt Nam tại xã C, có thu nhập ổn định hàng tháng là 26.396.000đ, ngoài ra anh còn được sự giúp đỡ của bố mẹ anh trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh đủ điều kiện để nuôi con nên khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đ và nhất trí giao cháu N cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh D không yêu cầu giải quyết.

2, *Phía bị đơn chị Đặng Thị Thùy T*: Toà án nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng chị T đều vắng mặt.

3, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2025 ông Đặng Quang Tuấn (là bố đẻ chị T) trình bày*: Chị T và anh D có đăng ký kết hôn ngày 05/12/2019 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã C, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng anh D tại nhà bố mẹ đẻ anh D được khoảng 03 tháng thì anh D, chị T về ở cùng vợ chồng ông tại Khu G 1, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là khu G 1, xã C, tỉnh Phú Thọ). Đến tháng 5/2022 thì anh D về nhà bố mẹ đẻ anh D ở, còn chị T và 02 con chung của anh chị ở cùng vợ chồng ông. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh D xin ly hôn chị T, chị T có nói với ông là nhất trí ly hôn với anh D nên ông cũng đồng ý để anh chị ly hôn. Ông đề nghị Toà án giải quyết cho anh D được ly hôn chị T vì thực tế anh chị không còn chung sống cùng nhau. Về con chung: Chị T, anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Thành Đ, sinh ngày 17/7/2020 và cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 03/12/2021. Hiện nay cả 02 cháu đang ở cùng chị T và vợ chồng ông. Anh D có nguyện vọng xin được nuôi cháu Đ và nhất trí giao cháu N cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng ông cũng nhất trí. Ông đề nghị Toà án giao cháu Đ cho anh

D được nuôi dưỡng và giao cháu N cho chị T được nuôi dưỡng, vợ chồng ông cam kết sẽ giúp đỡ chị T trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Việc anh D xin ly hôn, chị T biết rõ, nhưng do chị T bận đi làm nên không đến Toà án làm việc được. Nay anh D xin ly hôn ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

4, Qua xác minh tại UBND xã C ngày 12/01/2026 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị T và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/12/2019 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã C, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng anh D và bố mẹ đẻ anh D tại khu H, xã C được khoảng 03 tháng thì anh D và chị T về nhà bố mẹ đẻ chị T là ông Đặng Quang T và bà Kiều Thị H ở tại khu G 1, xã C. Quá trình chung sống anh chị hoà thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng, anh chị không hợp nhau, không bao ban được nhau nên chung sống không hạnh phúc. Từ tháng 5/2022 anh D đã về nhà bố mẹ anh D ở còn chị T và 02 con chung của anh chị ở cùng ông T bà H. Từ đó đến nay anh chị không còn chung sống cùng nhau. Chị T và anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Thành Đ, sinh ngày 17/7/2020 và cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 03/12/2021. Hiện nay cả 02 con chung đang ở cùng chị T và bố mẹ đẻ chị T. Nay anh D xin ly hôn chị T đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến D được ly hôn chị Đặng Thị Thuý T.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Tiến Thành Đ, sinh ngày 17/7/2020 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Đ thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày

03/12/2021 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Anh D, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Tiến D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn chị T có hộ khẩu thường trú tại khu H, xã C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ Điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Anh D có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía chị T đã được Tòa án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh D và chị T là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã C, tỉnh Phú Thọ) cho đăng ký kết hôn ngày 05/12/2019 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, anh D cho rằng vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không bao ban được nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Từ tháng 5/2022 anh đã về nhà bố mẹ đẻ anh ở, từ đó không còn chung sống cùng chị T nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên anh đề nghị

Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị T. Phía chị T Toà án báo gọi nhiều lần, chị T biết rõ việc Toà án đang giải quyết việc ly hôn giữa anh D và chị nhưng chị không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Bố đẻ chị T là ông Đặng Quang T xác nhận sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng anh D tại nhà bố mẹ đẻ anh D được khoảng 03 tháng thì anh D, chị T về ở cùng vợ chồng ông. Đến tháng 5/2022 thì anh D về nhà bố mẹ đẻ anh D ở, anh chị sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh D xin ly hôn chị T, chị T có nói với ông là nhất trí ly hôn với anh D nên ông đề nghị Toà án giải quyết cho anh D được ly hôn chị T vì thực tế anh chị không còn chung sống cùng nhau. Tòa án đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của anh chị được đại diện chính quyền địa phương cung quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng, anh chị không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên chung sống không hạnh phúc. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa anh D và chị T đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho anh D được ly hôn chị T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh D và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Thành Đ, sinh ngày 17/7/2020 và cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 03/12/2021. Khi ly hôn anh D xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ và nhất trí giao cháu N cho chị T được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Xét thấy, anh chị có hai con chung, anh D có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện để nuôi con, ngoài ra anh D còn có sự giúp đỡ của bố mẹ anh D trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bố đẻ chị T cũng có quan điểm đề nghị giao cháu Đ cho anh D được nuôi dưỡng. Do vậy, khi ly hôn cần giao cháu Đ cho anh D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu N cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ

luật tổ tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến D được ly hôn chị Đặng Thị Thuỳ T.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Tiến Thành Đ, sinh ngày 17/7/2020 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Đ thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 03/12/2021 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Anh D, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006315 ngày 03/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6 - Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 6 - Phú Thọ;
- Thi hành án DS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền